

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG

THU NHẬP TĂNG THÊM CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA XÚC TIẾN CÁC CHUỖI GIÁ TRỊ NĂM 2009



Người thực hiện: Trương Quốc Đạt
Đồng Hới, ngày 5 tháng 01 – 2010

**THU THẬP TĂNG THÊM CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM
GIA XÚC TIẾN CHUỖI GIÁ TRỊ NĂM 2009**

1. TÓM TẮT ĐỢT THU THẬP THÔNG TIN

Liên quan đến chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành dự án " Chỉ tiêu số 2: Thu nhập ròng phụ thêm của các hộ gia đình và các doanh nghiệp nhỏ có tham gia xúc tiến chuỗi giá trị tăng ít nhất 10% năm " Báo cáo giám sát và đánh giá tác động đối với các hộ tham gia xúc tiến các chuỗi giá trị năm 2008, đã chỉ ra (1) Đối với chuỗi nuôi ong lấy mật tăng 20% (so với năm 2007); (2) Chuỗi hồ tiêu thu nhập của các hộ giảm gần 3% (so với năm 2007) và (3) Chuỗi tơ tằm thu nhập giảm gần 22% (so với năm 2007). Những điều đó được lý giải do thiên tai khắc nghiệt và tỷ lệ lạm phát trong năm 2008 của Việt Nam lớn hơn 20%, bên cạnh đó giá cả thị trường có nhiều biến động theo xu hướng không có lợi (tham khảo báo cáo đánh giá tác động năm 2008 của dự án)

Trong năm 2009, Việc xúc tiến các chuỗi giá trị có nhiều đặc điểm nổi bật:

- Dự án đã kết thúc các hoạt động hỗ trợ đối với chuỗi mật ong (tháng 9/2008) vì lý do các Hiệp hội nuôi ong lấy mật ở hai huyện hoạt động có hiệu quả.

- Chuỗi giá trị tơ tằm đang chuyển đổi lớn về cơ cấu sản xuất để tăng tính cạnh tranh theo xu hướng ổn định (có giảm nhưng hạn chế) về diện tích trồng dâu nhưng tăng năng suất và chất lượng kén tằm.

- Dự án tiếp tục hỗ trợ quá trình chuyển đổi đối với chuỗi tơ tằm thông qua các hoạt động giảm tăng tính cạnh tranh, bên cạnh đó, dự án tăng cường hỗ trợ các hoạt động trong công tác tổ chức sản xuất và tiếp thị đối với chuỗi hồ tiêu.

Theo kế hoạch đến tháng 03/2010, dự án kết thúc, Nhằm đánh giá mức độ hoàn thành dự án có liên quan đến chỉ tiêu số "2" Ban quản lý dự án thống nhất tiến hành đợt giám sát tác động của các hộ tham gia xúc tiến 3 chuỗi giá trị (Mật - ong; Tơ - tằm; hồ - tiêu) được thực hiện vào cuối tháng 12 năm 2009.

1.1. Mục tiêu của đợt khảo sát

Mục đích của đợt khảo sát là (1) Đánh giá tác động của các hộ gia đình tham gia xúc tiến các chuỗi giá trị: Mật ong; Tơ tằm; Hồ tiêu trong năm 2009 so với chỉ tiêu mong đợi tăng thu nhập ròng phụ hàng năm tăng 10% năm. (2) Đưa ra những khuyến nghị để các Hiệp hội, chi hội và chính quyền sở tại xây dựng định hướng việc xúc tiến 3 chuỗi giá trị trong những năm tiếp theo.

1.2. Thời gian và quy mô khảo sát điều tra

- Quy mô: Thực hiện từ ngày (21- 29)/ 12 /2009, tại các xã có các hộ nông dân tham gia xúc tiến các chuỗi giá trị nêu trên.
- Thành phần gồm cán bộ giám sát đánh giá dự án, cán bộ kỹ thuật thực hiện chương trình, cán bộ khuyến nông xã, các hiệp hội và Nhóm những người hưởng lợi
- Thu thập thông tin từ các hộ dân tham gia xúc tiến chuỗi giá trị
- Thu thập các kiến nghị và đề xuất từ cán bộ xã, thôn, hiệp hội và các hộ tham gia chương trình

1.3. Các thông tin cơ sở phục vụ công tác thu thập thông tin

1.3.1. Xây dựng mẫu câu hỏi khảo sát thu thập thông tin

Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung Việt Nam (SMNR-CV)



- Bảng câu hỏi điều tra được xác định bởi mục tiêu đợt khảo sát (liên quan đến chỉ tiêu số 2) đơn vị khảo sát là hộ gia đình và được sử dụng lại bảng câu hỏi đã sử dụng từ tháng 12/2007, 12/2008 (để cho việc so sánh và đánh giá các chỉ tiêu)

- Điểm đáng lưu ý là cũng như đợt khảo sát tháng 12/ 2007 và 12/2008, chỉ số thu nhập ròng tăng thêm của các hộ gia đình tham gia xúc tiến chuỗi giá trị từ các sản phẩm của mật ong, tơ tằm, cây hồ tiêu và các sản phẩm phi thị trường như lao động, dịch vụ tư vấn đều được quy thành tiền theo giá tại thời điểm hiện hành lúc tiến hành khảo sát.

- Khái niệm thu nhập ròng tăng thêm của các hộ gia đình (cũng như năm 2007 và 2008) được hiểu theo công thức:

$$(C) = (A) - (B) \text{ trong đó:}$$

- (C) : Thu nhập tăng thêm từ một ngành nghề
- (A): Tổng giá trị sản lượng thu được
- (B): Tổng chi phí

1.3.2. Số lượng mẫu tham gia khảo sát thu thập thông tin

Số lượng mẫu được xác định bằng số lượng mẫu đã thực hiện trong năm 2007 và năm 2008 đối với các hộ tham gia xúc tiến chuỗi Mật ong; tằm tơ, hồ tiêu, đảm bảo số lượng mẫu lựa chọn đánh giá (chiếm khoảng 2-5 % tổng số hộ tham gia xúc tiến chuỗi) tương ứng với số lượng các hộ tham gia đánh giá (Tham khảo các hộ tham gia đánh giá ở phụ lục)

1.4. Công tác thu thập thông tin và xử lý số liệu

- Công tác thực địa, phỏng vấn trực tiếp các hộ gia đình và cán bộ lãnh đạo UBND xã/ trưởng thôn, Hiệp hội về các tác động ngắn hạn của của việc xúc tiến chuỗi giá trị trong năm 2009 và định hướng trong các năm sau khi dự án kết thúc.
- Cập nhật và xử lý số liệu thu thập tại văn phòng dự án trên nền Exel
- Đưa ra những quan sát, nhận định và những khuyến nghị có thể.

1.5. Những hạn chế của đợt thu thập thông tin

- Đợt khảo sát thu thập thông tin chỉ tiến hành điểm (lựa chọn) tại các hộ gia đình tham gia xúc tiến chuỗi giá trị trong năm 2007 và năm 2008 và những thông tin đại diện từ cán bộ lãnh đạo UBND xã, trưởng thôn, cán bộ Hiệp hội, cán bộ nông cốt ở các câu lạc bộ ưa thích nuôi trồng và những quan sát trực tiếp của cán bộ dự án thực hiện chương trình, những thông tin đề cập trong báo cáo chỉ có thể đại diện chưa thể mang tính khái quát chung cho các nhận định về những tác động (mặc dầu là tác động ngắn hạn) của dự án trong năm 2009 của các hộ tham gia các chuỗi giá trị.

- Trong năm 2009, nền kinh tế Việt Nam vẫn còn ảnh hưởng nặng của lạm phát năm 2008, các đầu vào cho sản xuất vẫn tăng cao và thời hạn khảo sát đánh giá cũng chưa theo kịp diễn biến của thị trường (biến động theo từng tháng, cụ thể tại thời điểm đánh giá, giá sản phẩm của các chuỗi đang giảm mạnh) nên độ chính xác của các vật tư đầu vào và sản phẩm đầu ra chỉ mang tính tương đối, phục vụ cho đánh giá tác động của dự án.

- Báo cáo được viết dựa trên những thông tin đã được thống nhất giữa các thành viên trong nhóm khảo sát, mang tính nội bộ nhằm báo cáo giám sát tác động cho BQL dự án (để đánh giá so sánh với chỉ tiêu mong đợi khi kết thúc dự án) và chia sẻ thông tin với các hiệp hội và chính quyền sở tại để có thêm kinh nghiệm trong việc xúc tiến chuỗi giá trị trong tương lai

2. KẾT QUẢ THU THẬP THÔNG TIN CÁC CHUỖI GIÁ TRỊ

2.1. Chuỗi tầm tơ

2.1.1. Các đầu vào (hỗ trợ của dự án trong năm 2009)

Đặc điểm nổi bật của chuỗi giá trị tơ tằm trong năm 2009, Dự án tiếp tục hỗ trợ quá trình chuyển đổi, theo xu hướng giữ nguyên (giảm có hạn chế) diện tích trồng dâu, nhưng tăng năng suất và tăng tính cạnh tranh về chất lượng kén tằm để ổn định và tăng giá bán tại thị trường nội địa, các hoạt động hỗ trợ tập trung chủ yếu (xem bảng 1)

Bảng 1: Các hỗ trợ của dự án đối với chuỗi tầm- tơ

	Các hoạt động hỗ trợ (đầu vào)	Kết quả hỗ trợ
1	Tập huấn kỹ thuật đan “ne” cho các hộ nông dân, để sản xuất “ne” và các bênh về dâu tằm	Chuyển giao kỹ thuật của trung tâm giống tằm tơ tỉnh Thái Bình cho các hộ nông dân tham gia xúc tiến chuỗi.
2	Hỗ trợ “né” cho các hộ nuôi tằm để nâng cao chất lượng sản phẩm kén	Hỗ trợ 19333 né đạt 50% cho các hộ tham gia tại 8 xã trồng dâu nuôi tằm, huyện Tuyên Hoá
3	Hỗ trợ hoá chất triệt trùng phòng bệnh cho tằm	Cung cấp 1215 kg fomol cho các hộ trồng dâu ở 8 xã
4	Cung cấp các tài liệu kỹ thuật hướng dẫn kỹ thuật trồng dâu và nuôi tằm cho các hộ nông dân	Soạn và in ấn 500 tài liệu cho Hội tằm tơ để cấp phát cho các hộ nông dân
5	Hỗ trợ trồng mới giống dâu VH- 13 (năng suất cao)	Trồng mới 4 ha tại hai xã có tiềm năng.
6	Củng cố các Chi hội Dâu tằm tơ	Thực hiện tại 8 xã
7	Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và lập kế hoạch phát triển bền vững chuỗi tầm tơ	Tham gia của các bên liên quan gồm: (chính quyền sở tại, Hiệp hội, các hộ nông dân điển hình và các doanh nghiệp tơ tằm địa phương và khu vực)

2.1.2. Thu nhập phụ tăng thêm của các hộ gia đình tham gia xúc tiến chuỗi giá trị tơ tằm

- Cũng như năm 2008, đợt khảo sát thu thập tăng thêm năm 2009 dự kiến sẽ thực hiện tại các hộ tham gia điều tra trong năm 2008, tuy nhiên, khi tiến hành điều tra thực tế chỉ đạt 70% số hộ gia đình tham gia trong năm 2008 vì một số hộ tại thời điểm điều tra không có mặt tại địa phương hoặc vắng nhà tại thời điểm điều tra, do vậy nhóm công tác đã lựa chọn những hộ khác thay thế để đảm bảo tiến độ và yêu cầu đủ số lượng của mẫu (vì thế số liệu tại báo cáo này không trùng với số liệu ở báo cáo năm 2008) các số liệu điều tra của chuỗi tơ tằm tham khảo thêm ở phụ lục 1 và phụ lục 2 ở cuối báo cáo này.

Bảng 2: Thu nhập phụ tăng thêm bình quân của hộ tham gia chuỗi dâu tằm năm 2009.

	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Tăng so với 2006	Toàn mẫu	Toàn mẫu	Giảm so với 2007	Toàn mẫu	Tăng so với 2008
	%	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	%
	(1)		(2)		(3)	
Thu nhập rừng bính quân từ nghề tằm tơ	2.81	1.659.323	1.181.505	- 22.03	1.206.787	14,28

Bảng 3: Đầu vào và đầu ra của ngành tơ tằm năm 2009

Chỉ số so sánh	Năm 2008		Năm 2009		Tăng/ giảm so với năm 2008 (%)
	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
Trứng tằm (đồng /lúa * số vòng trong năm)	45.000/lúa	315.000	45.000/lúa	270.000	-14.29
Sản lượng kén tằm (kg)	55	1,741,265	52	1,920,787	10.31
Giá kén tằm (kg)	32.000		37.000		15.63
Thu nhập từ ngành tằm tơ		1,741,265		1,920,787	10.31

Ghi chú: dấu (-) chỉ sự giảm

- Năm 2009 thu nhập của các hộ gia đình tham gia xúc tiến chuỗi giá trị tơ tằm của các hộ nông dân tham gia xúc tiến chuỗi **tăng 14,28 %** (so với năm 2008) xem bảng 2, vượt chỉ tiêu mong đợi của dự án (bình quân 10% năm) nguyên nhân chính là trong năm 2009 giá kén tăng 15,63 % so với năm 2008 (tham khảo số liệu bảng 3) bên cạnh đó các hỗ trợ của dự án tăng tính cạnh tranh của sản phẩm kén đã có những tác động đem lại hiệu quả tốt, và đây cũng là hướng phát triển bền vững chuỗi tơ tằm khi dự án kết thúc.

2.2. Chuỗi giá trị cây hồ tiêu

2.2.1. Các đầu vào (hỗ trợ của dự án trong năm 2009)

Trong năm 2009, Dự án tăng cường hỗ trợ các hoạt động trong công tác tổ chức sản xuất và tiếp thị đối với chuỗi hồ tiêu, các hoạt động hỗ trợ chủ yếu:

Bảng 4: Các hỗ trợ của dự án đối với chuỗi hồ tiêu

	Các hoạt động hỗ trợ (đầu vào)	Kết quả hỗ trợ
1	Tập huấn ToT cho cán bộ khuyến nông xã tham gia chuỗi giá trị hồ tiêu	Hỗ trợ cho 15 khuyến nông viên các cụm xã tham gia chuỗi của huyện Lệ Thủy và Bố Trạch
2	Chuyển giao kỹ thuật thu hoạch tiêu và tiếp thị sản phẩm hạt tiêu	Hỗ trợ tập huấn cho 127 hộ trồng tiêu của các xã: Sen Thủy; Thái Thủy, Trường Thủy và Văn Thủy của Huyện Lệ Thủy
3	Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc và phòng bệnh cho cây tiêu	Thực hiện 4 lớp ở mỗi xã (trên)
4	Hỗ trợ Quỹ tín dụng và phương pháp quản lý hoạt động của các quỹ tín dụng cho các nhóm tiêu có cùng sở thích	Hỗ trợ hai Quỹ tín dụng ở hai xã
5	Tham quan chia sẻ kinh nghiệm với các hộ nông dân trồng tiêu ở các tỉnh bạn	Tổ chức 24 thành viên tiêu biểu và cán bộ khuyến nông của 4 xã tham quan và trao đổi kinh nghiệm tại vùng trồng tiêu Tân Lâm tỉnh Quảng Trị

2.2.2. Thu nhập phụ tăng thêm của các hộ gia đình tham gia xúc tiến chuỗi giá trị hồ tiêu

Bảng 4: Thu nhập phụ tăng thêm bình quân các hộ điều tra tham gia chuỗi hồ tiêu

TT	Hạng mục	2007	2008	2009	Thu nhập ròng năm 2008 so với năm 2007		Thu nhập ròng năm 2009 so với năm 2008	
		Toàn mẫu	Toàn mẫu	Toàn mẫu	(+/-) 2007	% (+/-) 2007	(+/-) 2008	% (+/-) 2008
1	Chi phí trung bình của các hộ trồng tiêu (đồng)	3.069.276	3.610.483	3.658.358	541207	17.63	47875	1.33
2	Sản lượng tiêu khô (kg)	198	221	259	23	11.62	38	17.19
3	Giá bình quân (đồng/kg)	53.800	48.850	40.217	-4950	-9.20	-8633	-17.67
4	Tổng tiền bình quân thu được	11.515.700	10.469.552	10.336.400	-1046148	-9.08	-133152	-1.27
5	Thu nhập ròng	6.917.627	6.859.069	7.104.725	-58558	-0.85	245656	3.58

Ghi chú: dấu (+) chỉ sự tăng; dấu (-) chỉ sự giảm

- Trong toàn mẫu, thu nhập ròng của các hộ tham gia xúc tiến chuỗi giá trị cây hồ tiêu trong năm 2009 tăng 3,58 % so với năm 2008, tuy nhiên vẫn không đạt chỉ tiêu của dự án (10%/năm) nguyên nhân chính là tại thời điểm bán giá hạt tiêu giảm 17,67% so với năm 2008 (tham khảo số liệu bảng 4)

- Một tác động tích cực là sản lượng hạt tiêu trong năm 2009 tăng 17,19% so với năm 2008, do các hộ tham gia xúc tiến chuỗi giá trị đã áp dụng tốt các kỹ thuật chăm sóc sau khi được dự án hỗ trợ các lớp tập huấn kỹ thuật về cây hồ tiêu

2.3. Chuỗi giá trị mật ong

- Thực tế dự án đã kết thúc các hoạt động hỗ trợ đối với các hộ tham gia xúc tiến chuỗi mật ong từ tháng 09/2008, với lý do Hiệp hội nuôi ong đã hoạt động khá tốt, mức thu nhập phụ trội của các hộ tham gia chuỗi tăng 20% năm 2008 (vượt quá mong đợi 10% của dự án). Năm 2009, các hiệp hội nuôi ong đã tự xây dựng kế hoạch và điều hành các hoạt động theo định hướng tăng mạnh thị phần sản phẩm nội địa (bán lẻ tại các chợ và các bạn hàng trong huyện)

- Trong toàn mẫu, thu nhập ròng tăng thêm của các hộ gia đình được điều tra tham gia xúc tiến chuỗi mật ong trong năm 2009 tăng 31,41 % so sánh với năm 2008 (xem bảng 5)

Bảng 5: Thu nhập phụ tăng thêm bình quân các hộ điều tra tham gia chuỗi mật ong

TT	Hạng mục	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Thu nhập ròng năm 2008 so với năm 2007 (+/-) %	Thu nhập ròng năm 2009 so với năm 2008 % (+/-)
1	Minh Hoá	5,449,498	8,958,133	11,046,667	64.38	23.31
2	Tuyên Hoá	3,156,911	6,776,600	9,630,983	114.66	42.12
	Toàn mẫu	4,282,363	7,867,367	10,338,825	83.72	31.41

- Số tổ bình quân của các hộ nuôi ong cũng tăng khá cao: năm 2008 số tổ ong bình quân mỗi hộ là 5,38 tổ/ hộ; năm 2009 là 20 tổ / hộ và năng suất đạt bình quân 5.9 kg / tổ (tham khảo bảng 6)

- Thu nhập bình quân của năm 2009 của các hộ nuôi ong cũng tăng đáng kể so với năm 2008 (tham khảo số liệu ở phụ lục 3)

Bảng 6. Một số đặc điểm của các hộ điều tra tham gia vào chuỗi giá trị mật ong

	2008	2009
	Toàn mẫu	Toàn mẫu
Quy mô hộ hiện có (số tổ) / hộ	5,38	20
Năng suất bình quân (kg/ tổ)		5.9
Thu nhập bình quân từ nuôi ong (đồng)	10.040.500	12.488.333

3. NHỮNG ĐÁNH GIÁ / KHUYẾN NGHỊ

- **Nhận định thứ nhất:** Đối với các hộ tham gia xúc tiến chuỗi giá trị tầm tơ và nuôi ong lấy mật trong năm 2009, có thu nhập ròng tăng khá cao và vượt chi tiêu mong đợi dự án (chuỗi ong mật tăng 31,41%; chuỗi tầm tơ tăng 14,28%) bên cạnh đó thu nhập của các hộ tham gia chuỗi cây hồ tiêu mặc dầu thu nhập ròng trong năm 2009 có tăng nhưng mức tăng dưới mong đợi của dự án (tăng 3,58% < 10%)

- **Nhận định thứ 2:** Phương pháp xúc tiến chuỗi giá trị đã minh chứng cho tính bền vững của các hoạt động của dự án, mặc dầu dự án không còn hỗ trợ các hoạt động đối với chuỗi ong mật nhưng thu nhập ròng của các hộ tham gia vẫn tăng khá cao, đặc biệt quy mô số tổ ong của các hộ tham gia đã tăng gần 4 lần so với năm 2008 (xem bảng) và qua các thông tin thu thập từ hiệp hội ong mật hai huyện, hiện tại các hộ nuôi ong có thể cung cấp giống đủ cho thị trường địa phương.

- **Nhận định 3:** Phương pháp xúc tiến chuỗi giá trị đã tạo cơ hội cho các hộ tăng thêm thu nhập hàng năm và đã có tác động tích cực góp phần giảm các hộ nghèo, cũng 1/4 chỉ tiêu đánh giá việt hoàn thành dự án.

**Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên
miền Trung Việt Nam (SMNR-CV)**



Phụ lục 1: Diện tích, khối lượng và thu nhập bình quân của các hộ điều tra.

Xã	DT rộng năm 2008 (ha)	DT rộng năm 2009 (ha)	Khối lượng thu được năm 2008 (kg)	Tổng thu nhập năm 2008 (đồng)	Khối lượng thu được năm 2009 (kg)	Tổng thu nhập năm 2009 (đồng)
Đồng Hoá Average	0.08	0.07	56	1,811,686	53	1,991,143
Đức Hoá Average	0.10	0.10	52	1,605,410	57	2,094,200
Hong Hoá Average	0.06	0.06	23	740,000	25	934,250
Mai Hoá Average	0.10	0.09	40.5	1,277,700	40	1,465,200
Phong Hoá Average	0.09	0.08	76.5	2,450,000	70	2,575,200
Thạch Hoá Average	0.10	0.06	49	1,517,200	50	1,831,300
Thanh Hoá Average	0.10	0.10	71	2,265,600	60	2,218,700
Thuận Hoá Average	0.08	0.08	65	2,083,400	56	2,080,100
Grand Average			55	1,741,265	52	1,920,787

Phụ lục 2: Thu nhập ròng bình quân của các hộ điều tra.

TT	Xã	Năm 2008 (đồng)	Năm 2009 (đồng)	Mức thay đổi thu nhập so với năm 2008 (đồng)	Mức thay đổi thu nhập (%)
1	Đồng Hoá Average	1,281,686	1,389,000	107,314	11.55
2	Đức Hoá Average	1,105,410	1,330,200	224,790	24.09
3	Hong Hoá Average	343,125	463,625	120,500	52.80
4	Mai Hoá Average	839,100	774,700	-64,400	2.21
5	Phong Hoá Average	1,680,000	1,698,200	18,200	4.91
6	Thạch Hoá Average	991,200	1,106,300	115,100	19.67
7	Thanh Hoá Average	1,569,500	1,411,700	-157,800	2.80
8	Thuận Hoá Average	1,504,400	1,386,600	-117,800	3.07
	Grand Average	1,181,505	1,206,787	25,281	14.28

**Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên
miền Trung Việt Nam (SMNR-CV)**



Phụ lục 3: sản lượng, giá bán và tổng thu nhập bình quân

TT	Xã	Sản lượng BQ 2008	Sản lượng BQ 2009	Giá bán năm BQ 2008	Giá bán năm BQ 2009	Thu nhập BQ năm 2008	Thu nhập BQ năm 2009
1	Hồng Hóa Average	58	62	96.667	103.333	5.700.000	6.383.333
2	Quy Hóa Average	13	23	100.000	105.000	1.325.000	2.475.000
3	Trung Hóa Average	85	127	105.000	103.333	11.703.333	15.683.333
4	Hóa Hợp Average	33	40	97.500	105.000	3.275.000	4.200.000
5	Xuân Hóa Average	177	192	98.000	104.000	21.289.000	23.590.000
6	TT Đông Lê Average	97	106	84.375	117.500	10.315.000	14.125.000
7	Thuận Hóa Average	75	82	80.833	109.167	6.763.333	9.983.333
8	Lê Hóa Average	111	113	81.429	120.000	10.127.143	13.628.571
9	Kim Hóa Average	118	56	86.667	120.000	10.716.667	8.700.000
	Grand Average	94	102	90.917	109.500	10.040.500	12.488.333